

Số : 387/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng

Khu kinh tế cửa khẩu Nam Giang, tỉnh Quảng Nam đến năm 2025

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Nam Giang, tỉnh Quảng Nam đến năm 2025 với những nội dung chính như sau:

1. Phạm vi nghiên cứu

Khu kinh tế cửa khẩu Nam Giang, bao gồm 2 xã Chà Vål và La Dê thuộc huyện Nam Giang, với tổng diện tích tự nhiên là 31.060 ha. Giới hạn như sau:

- Phía Bắc giáp xã Zuôih huyện Nam Giang;
- Phía Đông giáp các xã : Đắc Pring, Bhing, Đắc Pre, huyện Nam Giang;
- Phía Tây giáp huyện Đắc Chung, tỉnh Sê Kông (Lào) và xã La Êê, huyện Nam Giang;
- Phía Nam giáp huyện Đắc Chung, tỉnh Sê Kông (Lào).

2. Tính chất

- Là Khu kinh tế tổng hợp, cửa ngõ quan trọng của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung kết nối với Nam Lào, Đông Bắc Thái Lan.

- Là một trung tâm phát triển các ngành công nghiệp gắn với dịch vụ thương mại cửa khẩu, kết hợp phát triển đô thị với tổ chức dân cư canh tác nông nghiệp, lâm nghiệp.

3. Dự báo phát triển dân số và đất xây dựng trong vùng

a) Dân số:

- Đến năm 2015 quy mô dân số trong Khu kinh tế đạt khoảng 10.000 người, trong đó dân số đô thị đạt khoảng 6.700 người;

- Đến năm 2025 quy mô dân số trong Khu kinh tế đạt khoảng 15.100 người, trong đó dân số đô thị đạt khoảng 10.300 người.

b) Đất xây dựng Khu kinh tế:

- Tổng diện tích đất trong phạm vi lập quy hoạch là 1047 ha, bao gồm cả đất xây dựng đô thị (khoảng 716 ha) và đất khác (khoảng 331 ha);

- Đến năm 2015: nhu cầu sử dụng đất xây dựng đô thị tại Khu kinh tế sẽ đạt khoảng 495 ha;

- Đến năm 2025: nhu cầu sử dụng đất xây dựng đô thị tại Khu kinh tế sẽ đạt khoảng 716 ha;

- Đất xây dựng các điểm dân cư nông thôn sẽ đạt khoảng 50 ha vào năm 2015 và 70 ha vào năm 2025.

4. Định hướng phát triển không gian

a) Các định hướng phát triển không gian:

Hướng phát triển của Khu kinh tế gắn liền với tuyến đường 14D, là trục trung tâm nối Khu kinh tế với các đầu mối giao thông khác của khu vực. Không gian xây dựng Khu kinh tế được chia thành 3 tiểu khu chính, bao gồm:

- Tiểu khu I gắn với khu vực cửa khẩu Nam Giang với diện tích khoảng 30 ha. Chức năng chủ yếu là kiểm soát cửa khẩu và thương mại - dịch vụ;

- Tiểu khu II bố trí tại khu vực xã Chà Vål quy mô khoảng 630 ha. Chức năng chính bao gồm: Khu đô thị, các khu phi thuế quan, khu công nghiệp, các trung tâm thương mại, hành chính công cộng, các cụm dân cư nông thôn...;

- Tiểu khu III bố trí tại khu vực xã La Dêê, diện tích khoảng 56 ha. Chức năng chính là trung tâm hành chính công cộng, các khu ở, thương mại dịch vụ, các cụm dân cư nông thôn ...;

- Các điểm dân cư nông thôn được phát triển từ các thôn của xã La Dêê dọc theo sông Amó, diện tích khoảng 50 ha và các thôn của xã Chà Vài quy mô khoảng 20 ha (phần diện tích đất này không thuộc về đất xây dựng đô thị).

b) Phân khu chức năng:

- Khu phi thuế quan: có quy mô khoảng 187 ha được bố trí tại Tiểu khu II. Khu phi thuế quan bao gồm các khu: khu chế xuất, kho tàng, các trung tâm thương mại dịch vụ, trung tâm điều hành... và các khu cây xanh, công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật;

- Các trung tâm công cộng có tổng diện tích khoảng 142 ha, bao gồm: các trung tâm hành chính công cộng cấp Khu kinh tế được bố trí dọc theo trục quốc lộ 14D có tổng quy mô khoảng 69 ha (các công trình công cộng, dịch vụ tại Tiểu khu I có diện tích khoảng 19 ha, tại Tiểu khu II có tổng diện tích khoảng 43 ha, tại Tiểu khu III có tổng diện tích khoảng 7 ha), các công trình công cộng đô thị khác được bố trí phân tán trong các khu ở và cụm dân cư của Khu kinh tế có quy mô khoảng 73 ha;

- Các công trình công viên cây xanh đô thị, quảng trường trong Khu kinh tế có diện tích khoảng 83 ha được bố trí hài hòa tại các tiểu khu (đất công viên cây xanh đô thị tại Tiểu khu II có quy mô khoảng 75 ha, đất công viên cây xanh tại Tiểu khu III có quy mô khoảng 8 ha);

- Cụm công nghiệp A Din bố trí tại Tiểu khu II có quy mô khoảng 23 ha;

- Các khu du lịch có tổng diện tích đất khoảng 23 ha, bao gồm: Khu du lịch hồ thủy điện sông Bung 4 có quy mô khoảng 17 ha nằm tại điểm đầu của Khu kinh tế, trạm dừng chân ngắm cảnh tại Tiểu khu III có quy mô 6 ha, phát triển các loại hình vui chơi giải trí;

- Các khu ở có tổng diện tích khoảng 165 ha, bao gồm: Khu đô thị Chà Vài có quy mô 140 ha bố trí tại các thôn A Din, A Bát, Cần Đồi xã Chà Vài, khu đô thị La Dêê có quy mô 25 ha, bố trí tại thôn Đắc ốc xã La Dêê;

- Các điểm dân cư nông thôn có tổng diện tích khoảng 70 ha, phát triển phân tán trên nền các thôn bản hiện có, gắn liền với các khu vực canh tác hoặc phát triển theo mô hình làng nghề truyền thống (diện tích này không nằm trong diện tích đất xây dựng đô thị);

- Khu đất giao thông: có tổng diện tích khoảng 78 ha bao gồm: đất giao thông đối ngoại có diện tích 36 ha, bến xe đối ngoại tại Tiểu khu II có diện tích khoảng 4 ha, giao thông nội thị có diện tích khoảng 38 ha;

- Các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật: có diện tích khoảng 4 ha bao gồm trạm xử lý nước thải, khu chôn lấp xử lý rác thải, nghĩa trang... được bố trí tại Tiểu khu II;

- Các khu vực đất quốc phòng: có tổng diện tích khoảng 11 ha được bố trí tại: Tiểu khu I với quy mô khoảng 7 ha cho các hoạt động kiểm soát xuất nhập cảnh, trạm biên phòng; Tiểu khu III với quy mô 4 ha dành cho đồn biên phòng.

5. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Định hướng quy hoạch giao thông:

- Giao thông đối ngoại:

+ Nâng cấp tuyến quốc lộ 14D nhằm đảm bảo nhu cầu vận tải của Khu kinh tế trong tương lai, mục tiêu đến năm 2025 đạt tiêu chuẩn đường cấp III miền núi, lộ giới 9 m. Tại những đoạn đi qua các khu dân cư đô thị sẽ mở rộng mặt cắt đường, bố trí dải phân cách và vỉa hè, tổ chức các nút giao cắt phù hợp bảo đảm an toàn giao thông, lộ giới 27 m. Tại khu vực trạm kiểm soát liên hợp lộ giới được mở rộng đến 35 m;

+ Tuyến tuần tra biên giới: có dài khoảng 31 km trong phạm vi Khu kinh tế, được thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi, mặt cắt dự kiến 7,5 m (lòng đường rộng 5 m, lề đường 2 m).

- Giao thông đối nội:

+ Các tuyến trục dọc chính, bao gồm: tuyến đường D1, tuyến đường D2 và các đoạn cuối tuyến đầu nối với đường 14D có lộ giới 22,5 m. Các trục đường khu vực: được thiết kế theo tiêu chuẩn đường đô thị với lộ giới 7,5 m - 13,5 m. Các tuyến giao thông ngoài đô thị gồm các tuyến đường phục vụ các điểm dân cư nông thôn, phục vụ các công trình thủy điện, các điểm du lịch... được tổ chức bảo đảm kết nối và đáp ứng tốt nhu cầu giao thông của mỗi khu vực, lộ giới khoảng 6,5m - 7,5 m tùy từng tuyến.

- Các công trình giao thông:

+ Tổ chức một bến xe đối ngoại tại khu vực xã Chà Vài, quy mô khoảng 4 ha. Xây dựng mới và nâng cấp các cầu hiện có (tổng cộng khoảng 153 cầu, trong đó có khoảng 7 cầu lớn trên Quốc lộ 14D).

b) San nền thoát nước:

- Xác định cụ thể cao độ san nền tại mỗi khu vực để bảo đảm giảm tối đa khối lượng đào đắp và bảo tồn cảnh quan tự nhiên. Xây dựng các kè chắn và taluy tại những khu vực có nguy cơ sạt lở hoặc độ dốc cao;

- Hệ thống thoát nước mưa tại các tiểu khu I và III là hệ thống thoát nước chung với thoát nước thải. Khu vực Tiểu khu II sẽ dùng hệ thống thoát nước mưa riêng.

c) Cấp nước:

- Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt giai đoạn 2015 là 80 l/người ngày đêm, giai đoạn 2025 là 100 l/người ngày đêm. Tổng nhu cầu dùng nước: 2.220 m³/người ngày đêm. Trong đó nhu cầu cho các khu đô thị là 1.850 m³/người ngày đêm, các điểm dân cư nông thôn là 370 m³/người ngày đêm;

- Nguồn cấp nước: lấy từ các suối Rơ Hồng, Cha Kiếp, Chà Vài, La Dê, Tầm Pốt, Đắc Đông và một số nguồn suối khác trong khu vực;

- Giải pháp cấp nước: khu vực Tiểu khu III và các điểm dân cư nông thôn được đầu tư xây dựng hệ thống tự chảy để cấp nước cho các nhu cầu sinh hoạt và dịch vụ công cộng. Khu vực Tiểu khu I sẽ xây dựng đập tràn tại suối Đắc Đông, bố trí trạm bơm cấp I và hệ thống bể chứa, xử lý trước khi phân phối bằng hệ thống ống tự chảy. Khu vực Tiểu khu II sẽ xây dựng đập tràn tại suối Rơ Hồng và trạm bơm cấp I để bơm nước về nhà máy nước tại khu vực đồi cao trước khi phân phối bằng hệ thống ống tự chảy.

d) Cấp điện:

- Tiêu chuẩn cấp điện: cho sinh hoạt: 300 - 500 W/ng; cho công nghiệp: 200 - 250 KW/ha; kho tàng, khu phi thuế quan: 70 - 250 KW/ha. Nhu cầu điện cho toàn Khu kinh tế là 18.400 KW;

- Nguồn điện: nguồn cấp điện từ mạng điện quốc gia. Xây dựng mới 01 trạm 110 KV công suất 1 x 25 MVA và các trạm phân phối 22 KV tại từng khu vực;

- Xây dựng hệ thống truyền tải 22 KV cấp điện cho các khu chức năng: các khu công nghiệp, khu phi thuế quan, khu đô thị... có hành lang bảo vệ theo quy định.

đ) Thoát nước và vệ sinh môi trường đô thị:

- Thoát nước bản: tại Tiểu khu II sẽ xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng. Nước thải công nghiệp và nước thải đô thị được thu gom và xử lý riêng, xây dựng Trạm xử lý gắn liền với nguồn thải tại khu công nghiệp đặt ở ABát quy mô khoảng 1 ha với công suất 321 m³/ngày đêm. Tại các Tiểu khu I và III, sẽ xây dựng hệ thống thoát nước chung.

- Xử lý chất thải rắn: chất thải rắn thuộc Khu kinh tế sẽ được thu gom về khu xử lý rác thải tại Tiểu khu II quy mô khoảng 2 ha;

- Xây dựng các nghĩa trang tại các cụm dân cư theo phong tục tập quán của người dân địa phương. Tại khu vực Tiểu khu II, sẽ xây dựng một công viên - nghĩa trang quy mô khoảng 1 ha.

e) Thông tin liên lạc:

- Đầu tư mới và hoàn thiện các cơ sở hạ tầng thông tin liên lạc trong khu vực Khu kinh tế, bảo đảm cung cấp đầy đủ các loại hình dịch vụ viễn thông.

6. Quy hoạch đợt đầu - giai đoạn đến 2015

a) Quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng kỹ thuật đợt đầu:

- Đầu tư xây dựng các khu trung tâm hành chính công cộng với quy mô 119 ha (Tiểu khu I: 19 ha, Tiểu khu II: 36 ha, Tiểu khu III: 7 ha, hành chính công cộng đô thị khác: 57 ha), các khu ở với quy mô 117 ha (Tiểu khu II: 97 ha, Tiểu khu III: 20 ha) và công viên cây xanh có diện tích khoảng 74 ha;

- Xây dựng Khu phi thuế quan với quy mô khoảng 74 ha tại Tiểu khu II, Khu công nghiệp Adin với quy mô 13 ha;

- Xây dựng trạm kiểm soát cửa khẩu và các công trình dịch vụ công cộng tại Tiểu khu I;

- Xây dựng điểm dừng chân tại Tiểu khu III có diện tích khoảng 6 ha, Khu du lịch hồ thủy điện Sông Bung 4 có diện tích khoảng 9 ha;

- Phát triển hệ thống hạ tầng phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đợt đầu.

b) Các chương trình và dự án ưu tiên đầu tư

- Đầu tư xây dựng nâng cấp tuyến Quốc lộ 14D nối với đường Hồ Chí Minh để tăng cường khả năng lưu thông cho khu vực;

- Thực hiện dự án đầu tư xây dựng trạm kiểm soát liên ngành tại Tiểu khu I, xây dựng khu vực chợ biên giới cùng các công trình dịch vụ thương mại kèm theo;

- Đầu tư các công trình nhằm khai thác lợi thế về tiềm năng trong điều kiện thuận lợi nhất để phát triển các cơ sở mang tính tiền đề, đột phá như: hạ tầng kỹ thuật tại Khu phi thuế quan và Khu trung tâm hành chính, một số điểm dịch vụ, du lịch.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam

1. Công bố Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Nam Giang đến năm 2025 và tổ chức thực hiện quy hoạch theo các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Ban hành Quy chế quản lý kiến trúc đô thị Khu kinh tế cửa khẩu Nam Giang.

3. Triển khai lập, phê duyệt các đồ án quy hoạch chi tiết các khu chức năng đô thị và điều chỉnh quy hoạch chi tiết các đồ án đã duyệt để phù hợp với đồ án Quy hoạch chung được duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam, Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các PTT Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Quốc phòng, Giao thông vận tải, Tài chính, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Quốc phòng, Công an;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Quảng Nam;
- BQL Khu kinh tế cửa khẩu Nam Giang;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ: KTTH, NC, ĐP;
- Lưu: Văn thư, KTN (3b). A.

(Đã ký)

Hoàng Trung Hải